

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày: 09.6.2020

V/v T/chấp “Hợp đồng vay TS”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Lành.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông Cao Thanh Truyền;

2. Ông Lê Huỳnh Hải Đăng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 527/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/QĐ- TA, ngày 22.5.2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **D.K.N**, sinh năm: 1962. Địa chỉ trụ sở: Số 84, tổ 16, ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **L**, sinh năm: 1985. Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh (Theo văn bản uỷ quyền ngày 24.9.2019) - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **L.Q.T**, sinh năm 1972. Địa chỉ đăng ký HKTT và địa chỉ nơi cư trú: ấp X, xã H, thị xã K, tỉnh Tây Ninh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2019 nguyên đơn-bà D.K.N, quá trình thu thập chứng cứ người đại diện hợp pháp nguyên đơn- anh N.T.L trình bày: Năm 2017 bà D.K.N có cho ông L.Q.T và vợ tên Th vay số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) để đáo nợ ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, không có thế chấp tài sản. Mặc dù thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, nhưng ông T không trả lãi cho bà N được khoản nào. Một thời gian sau bà N yêu cầu ông T trả lại số tiền đã vay, nhưng ông T nói ông T không có khả năng trả một lần số tiền đã vay, nên ngày 13.4.2018 (âm lịch) nhằm ngày 27.5.2018 (dương lịch), ông T nhờ bà N chơi dùm ông T một phần hụi mệnh giá 5.000.000 đồng/tháng, khi nào bà N

hết hạn được bao nhiêu thì thanh toán bấy nhiêu, ông T sẽ thanh toán tiền hạn cho bà N mỗi tháng 5.000.000 đồng, còn thiếu lại bao nhiêu ông T sẽ thanh toán mỗi tháng ít nhất 2.000.000 đồng. Khi thỏa thuận cam kết ông T có viết nội dung cam kết, ký và ghi họ tên “L.Q.T” và viết tên “Th”. Tuy nhiên từ khi ông T viết bản cam kết đến nay ông T không thực hiện được khoản nào theo như bản cam kết đã ký kết với bà N. Bà N cũng không biết họ tên của bà Th và bà Th là ai, nên nay bà N chỉ yêu cầu một mình ông T có nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu bà Th trả nợ. Đồng thời bản cam kết còn có tên Đ làm nhân chứng, nhưng bà N không biết họ tên và địa chỉ cụ thể nên bà N không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu ông L.Q.T trả cho bà số tiền vốn 140.000.000 đồng, không yêu cầu ông T tính lãi.

** Bị đơn – ông L.Q.T đã được triệu tập, niêm yết hợp lệ lần nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.*

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người đại diện hợp pháp nguyên đơn - anh L có đơn xin xét xử vắng mặt; riêng bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết nhiều lần vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D.K.N; buộc ông T có nghĩa vụ trả nợ cho bà N số tiền vốn 140.000.000 đồng, ghi nhận bà N không yêu cầu ông T tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà D.K.N có đơn khởi kiện ông L.Q.T, địa chỉ: ấp ấp X, xã H, thị xã K, tỉnh Tây Ninh; Về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành Tây Ninh thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, người đại diện hợp pháp nguyên đơn - anh L có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt theo qui định tại Điều 227; Điều 228, Điều 328 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2018 bà D.K.N có cho ông L.Q.T vay số tiền 140.000.000 đồng, ngày 27.5.2018 ông T làm văn bản cam kết với nội

dung: “Tôi có mượn tiền của chị D.K.N số tiền 140.000.000 đồng. Nay tôi nhờ chị N chơi dùm cho chân hụi 5.000.000 đồng, khi chị N hốt được bao nhiêu thì thanh toán số tiền hốt được bao nhiêu. Tôi cam kết thanh toán tiền hụi mỗi tháng 5.000.000 đồng...”. Sau khi ông T làm bản cam kết, thì ông T không thực hiện theo nội dung bản cam kết được khoản nào. Cho thấy trong thực tế ông T có vay của bà N số tiền vốn 140.000.000 đồng. Căn cứ bản cam kết ngoài chữ ký và viết tên L.Q.T, còn có chữ viết “Thảo”; và hai chữ ký không ghi họ và tên, theo lời trình bày bà N thì hai chữ ký tên một là chồng bà tên T.V.C, hai là anh Đ; tên Th chỉ nghe ông T nói là vợ ông T, nhưng bà N nhưng không biết Thảo là ai và họ tên, địa chỉ cụ thể nên bà N không cung cấp được tên họ, địa chỉ của anh Đ, Th cho Tòa án; Nên Tòa án không thể tiến hành làm việc đối với những người này. Nay bà N chỉ yêu cầu một mình ông T có nghĩa vụ trả nợ số tiền vốn 140.000.000 đồng, không yêu cầu ông T tính lãi. Riêng ông T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không xuất trình được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp bản thân. Do vậy, đủ cơ sở xác định hiện ông T còn nợ bà N số tiền nợ vốn 140.000.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà D.K.N yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả nợ vốn, không yêu cầu tính lãi cho thấy: Thực tế ông T có vay nợ bà N số tiền 140.000.000 đồng là có thật, do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định Điều 466 Bộ luật dân sự, làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bên cho vay bà N. Quá trình thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự đã xác định hiện ông T còn nợ bà N số tiền vốn 140.000.000 đồng. Nay bà N có đơn khởi kiện ông T đòi vốn vay là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi.

[3] Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D.K.N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông L.Q.T.

Buộc ông L.Q.T có nghĩa vụ trả cho bà D.K.N số tiền vốn 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng, ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông L.Q.T phải chịu 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà D.K.N không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả lại cho bà N số tiền đã nộp tạm ứng phí 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0008353 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX Hòa Thành;
- Chi cục THADS TX Hòa Thành;
- Các đương sự
- Lưu tập án (L).

(Đã ký)

Huỳnh Thị Kim Lành